

Số **14** /2020/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **26** tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư
và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày
18 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh
doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày
30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;*

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 122/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, XD. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Những nội dung khác về quản lý đầu tư và xây dựng không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Chương II

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 3. Chủ đầu tư

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực được thành lập theo quy định tại Điều 63 Luật Xây dựng năm 2014 hoặc cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Dự án quốc phòng, an ninh: Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): Chủ đầu tư là Nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng.

Điều 4. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thực hiện quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

Trường hợp Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực không đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số nội dung công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng thì được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện.

2. Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức không đủ điều kiện để tổ chức quản lý dự án thì được thuê Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án để quản lý thực hiện dự án quy mô nhóm A có công trình xây dựng cấp đặc biệt, dự án có áp dụng công nghệ cao được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận bằng văn bản, dự án khác về quốc phòng, an ninh có yêu cầu bí mật nhà nước.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật; được phép thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ quản lý dự án của mình.

4. Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện.

Cá nhân tham gia quản lý dự án làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận. Chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để giám sát thi công và tham gia nghiệm thu hạng mục, công trình hoàn thành. Chi phí thực hiện dự án phải được hạch toán riêng theo quy định của pháp luật.

5. Người quyết định đầu tư quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án, bảo đảm thực hiện mục tiêu đầu tư, hiệu quả dự án được duyệt.

6. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, việc tổ chức quản lý dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công

1. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

a) Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý.

b) Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, nhóm C) đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp xã quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

2. Thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư:

a) Thẩm định nội bộ là thẩm định để hoàn thiện hồ sơ, báo cáo trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc Hội đồng thẩm định để thẩm định chủ trương đầu tư làm căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; để thẩm định chương trình, dự án làm căn cứ quyết định hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án. Thẩm định nội bộ bao gồm thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư hoặc thẩm định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

3. Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

a) Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng; Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B.

- Đối với dự án nhóm C, thẩm quyền quyết định theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

d) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp xã quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: Giao Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; trưởng Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, các thành viên khác là công chức xã kiêm nhiệm.

đ) Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án là một nội dung trong trong thẩm định chủ trương đầu tư.

- Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Phạm vi thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền thông báo cho giai đoạn sau, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định cho địa phương và số vượt thu thực tế của ngân sách địa phương (nếu có) dành cho đầu tư phát triển, trừ dự án quy định tại Khoản 2, Điều 33 Luật Đầu tư công năm 2019.

5. Điều chỉnh chủ trương đầu tư.

a) Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019; Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Các trường hợp phải quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Trường hợp dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư, nếu có thay đổi nội dung của quyết định chủ trương đầu tư thì phải thực hiện việc điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

c) Thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án do người đứng đầu cơ quan bố trí nguồn vốn bổ sung cho phần kinh phí phát sinh tăng quyết định phê duyệt.

6. Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

a) Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; Nhiệm vụ quy hoạch; Dự án đầu tư công khẩn cấp; Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; Dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước.

b) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý: Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục nhiệm vụ, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức triển khai thực hiện.

c) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp huyện quản lý: Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc tổ chức triển khai thực hiện.

d) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp xã quản lý: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 6. Quyết định danh mục chuẩn bị dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách địa phương

1. Dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách địa phương không phải lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh mục chuẩn bị dự án.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu đầu tư lập tờ trình đề nghị quyết định danh mục chuẩn bị dự án, các nội dung đề xuất đầu tư xây dựng gửi

đến Sở Tài chính (đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh) hoặc phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) để chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan thẩm định đề xuất đầu tư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) xem xét, quyết định danh mục chuẩn bị dự án.

3. Nội dung đề xuất đầu tư xây dựng kèm theo tờ trình đề nghị quyết định danh mục chuẩn bị dự án, gồm: sự cần thiết phải đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch; mục tiêu, dự kiến quy mô, địa điểm thực hiện; dự kiến tổng mức đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện; dự kiến phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).

Điều 7. Thẩm định dự án đối với dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự án nhóm A: Do Hội đồng thẩm định của tỉnh tổ chức thẩm định; Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và là Thường trực Hội đồng thẩm định dự án.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định dự án.

2. Đối với các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định dự án.

3. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn do cấp huyện quản lý (bao gồm vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư): Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định dự án.

4. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn do cấp xã quản lý bao gồm vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư): Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã tổ chức thẩm định dự án.

Điều 8. Thẩm định dự án đối với các dự án có cấu phần xây dựng

1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng gồm thẩm định thiết kế cơ sở và nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở gồm:

a) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến.

b) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

c) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ.

d) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

đ) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế.

e) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế.

g) Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở.

3. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm định gồm:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ.

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; đánh giá tác động môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường; phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác.

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện dự án, các mốc thời gian chính thực hiện dự án đầu tư; chi phí khai thác vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án; khả năng, phương án huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả, tác động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của dự án; khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

d) Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư.

đ) Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

e) Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác, sử dụng dự án.

g) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;

h) Sự phù hợp giữa tổng mức đầu tư của dự án gắn với cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả

năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.

i) Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; đến tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững.

k) Các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thì nội dung thẩm định gồm:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện, tổng mức đầu tư, hiệu quả về kinh tế - xã hội.

b) Xem xét các yếu tố bảo đảm tính khả thi gồm nhu cầu sử dụng đất, khả năng giải phóng mặt bằng; các yếu tố ảnh hưởng đến công trình như quốc phòng, an ninh, môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình; sự tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình; sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ; sự tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

d) Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận.

đ) Đánh giá sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình.

e) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

g) Các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ứng từ Quỹ phát triển đất của tỉnh Yên Bái):

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với dự án nhóm A, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thẩm định của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và trình phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5, Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung tại Khoản 2, Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

6. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện chủ trì tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và trình phê duyệt dự án; Trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu có chiều dài nhịp lớn hơn 6m, hồ chứa nước, đập đầu mối có chiều cao lớn hơn 2m thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung tại Khoản 2, Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014; tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng; trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu có chiều dài nhịp lớn hơn 6m, hồ chứa nước, đập đầu mối có chiều cao lớn hơn 2m thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

7. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện thẩm định; trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu có chiều dài nhịp lớn hơn 6m, hồ chứa nước, đập đầu mối có chiều cao lớn hơn 2m thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung tại Khoản 2, Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan

chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014. Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu có chiều dài nhịp lớn hơn 6m, hồ chứa nước, đập đầu mối có chiều cao lớn hơn 2m thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

8. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công.

a) Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách có mức hỗ trợ từ ngân sách cấp trên dưới 5 tỷ đồng do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện hoặc đơn vị cấp dưới trực tiếp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

2. Đối với dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ ngân sách nhà nước.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh (trừ các dự án tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản này).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh có tính chất đầu tư với mức vốn dưới 5 tỷ đồng do đơn vị cấp dưới trực tiếp làm chủ đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách huyện có tính chất đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (không bao gồm xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có):

- Trường hợp công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý sử dụng công trình căn cứ dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất được cấp có thẩm quyền giao để quyết định việc sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất với các nội dung sau: tên công trình, mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, sự cần thiết, lý do thực hiện, khối lượng công việc, dự toán công trình, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc;

- Trường hợp công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý sử dụng công trình căn cứ danh mục chuẩn bị dự án được cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 6 Quy định này để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án

1. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

c) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

d) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc các Sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập: Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng.

a) Thẩm định thiết kế, dự toán: Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b) Phê duyệt thiết kế, dự toán: Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 24, Khoản 2, Điều 25, Khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.

3. Điều chỉnh thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng.

a) Người quyết định đầu tư quyết định điều chỉnh thiết kế xây dựng khi có thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, công năng sử dụng, địa điểm xây dựng; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình trong trường hợp việc điều chỉnh dự toán dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

b) Việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Ủy quyền cho Chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công đối với tất cả các dự án (trừ các trường hợp được quy định tại Điểm a Khoản này).

c) Chủ đầu tư tự quyết định điều chỉnh thiết kế xây dựng đối với các trường hợp khác, trừ các trường hợp được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

4. Phân cấp thẩm quyền cho Chủ đầu tư thực hiện và chịu trách nhiệm về một số nội dung trong quá trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

a) Các đơn vị chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tự tổ chức thẩm định, quyết định phê duyệt đối với dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án; các công việc chuẩn bị để lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; dự toán gói thầu, giá gói thầu. Các khoản mục chi phí này sẽ được cập nhật vào tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán xây dựng công trình để phục vụ lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Các đơn vị Chủ đầu tư được điều chỉnh thiết kế, dự toán trong các trường hợp thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực công trình trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với những nội dung điều chỉnh và các chi phí bị ảnh hưởng của việc điều chỉnh thiết kế xây dựng. Tổng giá trị dự toán do các thay đổi không vượt quá 30% chi phí dự phòng trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không vượt quá 5 tỷ đồng.

c) Các đơn vị Chủ đầu tư được tổ chức thẩm định, phê duyệt các nội dung chi phí điều chỉnh, điều chỉnh thiết kế trong các trường hợp:

- Điều chỉnh cơ cấu chi phí, giá gói thầu xây dựng do trượt giá (trừ chi phí nhân công do điều chỉnh hệ số lương cơ bản) trên cơ sở không vượt dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Điều chỉnh khối lượng theo thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh thiết kế đối với các trường hợp chỉ mang tính xử lý kỹ thuật trong quá trình thi công; xử lý phát sinh với quy mô nhỏ lẻ mà không làm thay đổi địa điểm đầu tư, mục tiêu đầu tư, tổng mức đầu tư và thiết kế cơ sở của dự án đã phê duyệt. Tổng giá trị dự toán do các thay đổi không vượt quá 30% chi phí dự phòng trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không vượt quá 5 tỷ đồng.

đ) Trên cơ sở dự toán phê duyệt điều chỉnh, giao đơn vị Chủ đầu tư tổ chức xác định, cập nhật, phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu tại thời điểm 28 ngày trước thời điểm mở thầu để làm cơ sở lựa chọn nhà thầu (nếu cần thiết).

Điều 11. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp thuộc cấp mình quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác thẩm định dự án theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy định này.

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp tại Điều 10 Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 12. Quản lý dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền thẩm định dự án:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: Thẩm quyền thẩm định dự án theo như quy định tại Khoản 1, Điều 7 và Khoản 5, Điều 8 Quy định này.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo

cáo nghiên cứu khả thi dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 13. Quản lý, thực hiện đầu tư đối với dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước

1. Đối với các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước do các cơ quan cấp tỉnh hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, quản lý: Chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước do các cơ quan cấp huyện hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, quản lý: Chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán: Thực hiện theo quy định hiện hành, áp dụng với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Điều 14. Điều chỉnh dự án

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án quy định tại Điều 9 Quy định này được quyền quyết định điều chỉnh dự án trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 43 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 61 Luật Xây dựng năm 2014.

2. Chủ đầu tư dự án phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến việc điều chỉnh dự án để trình cấp thẩm quyền xem xét, thẩm định.

3. Lập hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm A, B, C: Đơn vị Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá dự án đầu tư công đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

b) Chuẩn bị báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công. Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công phải nêu rõ những lý do điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công.

c) Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh dự án đầu tư công.

d) Hoàn chỉnh báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm A, B, C.

a) Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 40 Luật Đầu tư công.

b) Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư, phân bổ dự toán

1. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định tại Chương III, Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định khác có liên quan. Đối với vốn đầu tư công hằng năm, dự án phải được phê duyệt đến ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch; trừ trường hợp được cấp thẩm quyền cho phép bổ sung vào kế hoạch bằng văn bản.

2. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:

a) Đối với nhiệm vụ, công trình có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên phải được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư trước khi phân bổ chi tiết nguồn vốn.

b) Đối với nhiệm vụ, công trình có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng phải được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư hoặc dự toán trước khi phân bổ chi tiết nguồn vốn.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho cấp thẩm quyền phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư cho các dự án sau khi đã được giao dự toán ngân sách hằng năm và được cấp có thẩm quyền quyết định danh mục đầu tư theo hướng dẫn tại Điều 6 Quy định này.

Điều 16. Phân cấp về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình cấp III, IV thuộc trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 17. Giá vật liệu xây dựng và Chỉ số giá xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng và Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định, công bố theo định kỳ hàng tháng hoặc quý về Giá vật liệu xây dựng và Chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 18. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp tỉnh quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp huyện quản lý.

b) Đối với dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư; ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án đầu tư cấp tỉnh quản lý chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức dưới 5 tỷ đồng (trừ các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư);

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh (trừ các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư), vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý; ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh, vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức dưới 5 tỷ đồng (bao gồm cả các dự án do Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư).

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

a) Đối với các dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành sử dụng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh (trừ các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư), vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính tổ chức thẩm tra.

b) Đối với các dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành sử dụng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách huyện, vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra.

c) Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban quản lý xã làm chủ đầu tư: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

d) Đối với các dự án còn lại: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

đ) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập tổ công tác thẩm tra để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm đại diện của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện dự án.

3. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.

a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

b) Các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Chương III

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 19. Giám sát dự án đầu tư công

1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án; cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, chủ đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Các nội dung về giám sát dự án đầu tư công của từng cơ quan và người có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14, 15, 17 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 20. Đánh giá dự án đầu tư công

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 18 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

2. Nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 21. Giám sát đầu tư của cộng đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định khác có liên quan.

Điều 22. Chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 68 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ và khoản 25, 26, 27, 28, 29 Điều 1 của Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ.

2. Thời hạn và nội dung báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 3, 5, 7, 8 Điều 69 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

3. Các cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư phải bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 71 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cấp trên trực tiếp của người quyết định đầu tư quyết định dừng khởi công hoặc dừng triển khai đối với các dự án phê duyệt không bảo đảm về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; dự án thực hiện làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; dự án không thực hiện đúng quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 24. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án có các thủ tục đã được cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì các thủ tục đã được thẩm định, quyết định không phải thực hiện lại. Các công việc tiếp theo được thực hiện theo Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý của mình kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc yêu cầu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, các ngành, các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy